

BỘ Y TẾ
Số: 3526/2004/QĐ-BYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 10 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ
Về việc phê duyệt chương trình hành động
truyền thông giáo dục sức khỏe đến năm 2010

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định 49/2003/NĐ-CP ngày 15/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân ngày 30 tháng 6 năm 1989;

Căn cứ Quyết định số 35/2001/QĐ-TTg ngày 19/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân giai đoạn 2001 – 2010;

Theo đề nghị của Ông Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình hành động Truyền thông giáo dục sức khỏe đến năm 2010.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Ông, Bà: Chánh văn phòng, Chánh thanh tra, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ Y tế, Cục trưởng Cục quản lý Dược Việt Nam, Cục trưởng Cục Y tế dự phòng và phòng chống HIV/AIDS, Cục trưởng Cục an toàn vệ sinh thực phẩm, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, Thủ trưởng Y tế ngành, Giám đốc sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHOẺ ĐẾN NĂM 2010

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3526/2004/QĐ - BYT

ngày 06 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ NHU CẦU TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHOẺ

Đảng và Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo công tác Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân (CS&BVSKND) như: Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân năm 1989, Pháp lệnh Phòng chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 1995, Pháp lệnh An toàn vệ sinh thực phẩm năm 2003, Pháp lệnh hành nghề y dược tư nhân năm 2003, Chiến lược CS&BVSKND giai đoạn 2001- 2010, Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2001- 2010, Chiến lược Quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản giai đoạn 2001- 2010, Chiến lược quốc gia về phòng chống HIV/AIDS ở Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm (phòng chống sốt rét, phòng chống lao, phòng chống

sốt xuất huyết, phòng chống phong, phòng chống bấuu cổ, tiêm chủng mở rộng, bảo vệ sức khoẻ tâm thần cộng đồng...), và nhiều chính sách quốc gia khác. Các chương trình này đã và đang được triển khai thực hiện bằng nội lực của toàn ngành y tế và được sự quan tâm lãnh đạo của tổ chức Đảng và chính quyền các cấp, sự tham gia tích cực của các đoàn thể quần chúng và nhân dân, sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế.

Để góp phần thực hiện được thành công các chính sách nêu trên, công tác truyền thông giáo dục sức khoẻ (GDSK) đóng vai trò rất quan trọng. Vì vậy, việc xây dựng Chương trình hành động truyền thông GDSK đến 2010 là nhu cầu cần thiết và cấp bách.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao nhận thức và thực hành của tổ chức Đảng và chính quyền các cấp, các tổ chức Chính trị- xã hội, cộng đồng và mỗi người dân về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi Chiến lược Chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân giai đoạn 2001- 2010.

2. Các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể đến 2010

2.1- Làm cho tổ chức Đảng và chính quyền các cấp và mọi người dân hiểu biết các chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ.

Chỉ tiêu cụ thể:

100% tổ chức Đảng và chính quyền các cấp nhận thức đầy đủ về vai trò của y tế cơ sở và nâng cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở (Chỉ thị 06-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng).

Tỷ lệ người dân được tiếp cận với thông tin về các chính sách chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân: 100% ở đồng bằng, 90% ở miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Tỷ lệ người dân hiểu biết về chính sách, pháp luật về lĩnh vực y tế; về phong trào thi đua yêu nước, gương người tốt, việc tốt của ngành y tế: 70% ở đồng bằng và 50% ở miền núi.

2.2- Nâng cao nhận thức của người dân để họ tự thay đổi hành vi không có lợi cho sức khoẻ bằng hành vi có lợi cho sức khoẻ, chủ động phòng chống dịch bệnh, tự bảo vệ sức khoẻ cho bản thân và tích cực tham gia công tác chăm sóc sức khoẻ cho cộng đồng.

Chỉ tiêu cụ thể:

Nâng cao hiểu biết của người dân về dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS: 100% nhân dân ở khu vực thành thị và 80% ở khu vực nông thôn, miền núi hiểu đúng và biết cách dự phòng HIV/AIDS (Chiến lược quốc gia phòng chống HIV/AIDS ở Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn 2020).

Tỷ lệ hộ gia đình nắm được các thực hành sức khoẻ cơ bản và y học thường thức: 60% đối với đồng bằng, 50 % đối với miền núi (Chuẩn Quốc gia về y tế xã).

Tỷ lệ bà mẹ có kiến thức và kỹ năng thực hành về dinh dưỡng đúng cho trẻ em đạt 60% vào 2010 (Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2001- 2010).

Nâng cao tỷ lệ người dân hiểu biết và tham gia thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia. Tỷ lệ người dân nắm được thông tin và tham gia phòng chống dịch bệnh: 100% ở vùng có dịch lưu hành, 90% ở các vùng còn lại.

Nâng cao hiểu biết và thực hành của người dân về việc sử dụng các phương pháp y học cổ truyền phối hợp với y học hiện đại trong phòng bệnh và chữa bệnh.

2.3. Đẩy mạnh xã hội hoá và đa dạng hoá công tác truyền thông GDSK, tạo môi trường thuận lợi để người dân tự chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ thông qua các mô hình: Làng Văn hoá- Sức khoẻ tạo ra phong trào toàn dân vì sức khoẻ, Phòng chống tai nạn thương tích xây dựng cộng đồng an toàn...

Chỉ tiêu cụ thể:

100% Trung tâm Truyền thông GDSK phát triển các hình thức truyền thông và sản xuất được các tài liệu truyền thông GDSK dưới nhiều hình thức, phù hợp với vùng, miền trên lãnh thổ, trình độ, ngôn ngữ và phong tục tập quán của các dân tộc.

80% người dân trong các làng, xã nắm được và tích cực tham gia thực hiện các chỉ tiêu xây dựng “*Làng văn hoá sức khoẻ*” tại Thông tư số 02/2003/TT-BYT ngày 28/3/2003 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện Chương trình phối hợp hoạt động đẩy mạnh chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân trong phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*”.

Tỷ lệ người dân được tiếp cận với thông tin về phòng chống tai nạn thương tích và xây dựng cộng đồng an toàn: 100% ở đồng bằng và 80% ở miền núi.

2.4. Nâng cao năng lực của hệ thống truyền thông GDSK từ trung ương đến cơ sở.

Chỉ tiêu cụ thể:

100% tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Trung tâm Truyền thông GDSK, các Trung tâm có đủ về số lượng, chất lượng và cơ cấu cán bộ. 100% đơn vị y tế tuyến tỉnh có tổ hoặc cán bộ truyền thông GDSK. 100% Trung tâm Y tế quận, huyện có tổ truyền thông GDSK. 100% trạm y tế xã, phường có cán bộ làm công tác truyền thông GDSK, 95% thôn, bản có nhân viên y tế hoặc cộng tác viên truyền thông GDSK.

100% truyền thông viên, cán bộ y tế xã và y tế thôn bản được tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức và kỹ năng truyền thông GDSK.

100% Trung tâm Truyền thông GDSK tỉnh, thành phố thực hiện đào tạo cho truyền thông viên cấp dưới về kiến thức và kỹ năng chuyên môn; tổ chức nghiên cứu, sản xuất tài liệu truyền thông phù hợp với đối tượng đích và đặc thù của từng địa phương, dân tộc.

100% cơ sở y tế (bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế tuyến tỉnh, trung tâm y tế huyện và trạm y tế xã) có phòng tư vấn- truyền thông lồng ghép.

Cán bộ y tế xã thực hiện truyền thông qua loa truyền thanh xã: 4 lần trở lên/ tháng đối với đồng bằng và 2 lần trở lên/tháng đối với miền núi.

Y tế thôn bản tham gia tổ chức và thực hiện truyền thông tại các cuộc họp cộng đồng: 6 lần trở lên/năm ở đồng bằng và 4 lần trở lên/năm ở miền núi.

2.5. Đảm bảo tài chính, cơ sở làm việc và trang thiết bị cho hoạt động truyền thông GDSK từ trung ương đến cơ sở.

Chỉ tiêu cụ thể:

100% Trung tâm Truyền thông GDSK tỉnh, thành phố có trụ sở làm việc và có đủ trang bị theo chức năng, nhiệm vụ.

100% Tổ Truyền thông GDSK ở tuyến tỉnh và tuyến huyện được đầu tư trang thiết bị cơ bản để phục vụ công tác truyền thông GDSK.

100% Trạm Y tế xã có phòng truyền thông GDSK- tư vấn lồng ghép, có đủ tài liệu và trang thiết bị cần thiết đáp ứng với yêu cầu hoạt động.

Đảm bảo 1,5 - 2% ngân sách y tế hàng năm cho hoạt động của hệ thống truyền thông GDSK.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1- Nhóm giải pháp thực hiện mục tiêu 2.1: Làm cho tổ chức Đảng và chính quyền các cấp và mọi người hiểu biết các chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ.

1.1- Chủ động phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chăm sóc sức khoẻ nhân dân như: Chỉ thị 06-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ